

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36/2023/DS-ST**

Ngày: 09/05/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng T Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 03 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp B, xã T B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lương Văn C, sinh năm 1970 (Có mặt)

2.2 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn K trình bày:

Ngày 05/03/2014, giữa bà Võ Thị T với ông Lương Văn C, bà Nguyễn Thị T có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau, thỏa Tận bằng lời nói, không có lập thành văn bản, hai bên có làm sổ giao nhận để theo dõi. Hai bên thỏa Tận mỗi đợt xuất bán (45 ngày đến 60 ngày) sẽ trả tiền. Hai bên thực hiện hợp đồng đến ngày 15/03/2017, thì ngừng mua bán do ông C, bà T không tiếp tục lấy thức ăn của bà T nữa mà lấy ở chỗ khác. Khi hai bên ngừng mua bán thức ăn thì số tiền ông C, bà T còn nợ lại bà T là 179.120.000 đồng. Ngày 29/8/2017, ông C có viết xác nhận nợ cho bà T số tiền 179.120.000 đồng và hứa sẽ trả dần cho bà T mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Sau đó ông C, bà T có thực hiện lời hứa trả đều mỗi tháng 5.000.000 đồng đến tháng 12 năm 2018. Năm 2019, chỉ trả 7.000.000 đồng. Năm 2020, 2021 không có trả, năm 2022 có trả 4.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ lại số tiền gốc là 104.620.000 đồng.

Theo nội dung đơn khởi kiện, Bà T yêu cầu ông Lương Văn C và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền gốc là 104.620.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/03/2017 đến ngày 15/03/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng số tiền 62.520.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 167.140.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh Kha trình bày do ông C, bà T có thực hiện đúng thỏa Tận trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng từ ngày 29/8/2017 đến ngày 07/8/2019 nên nay anh thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, anh yêu cầu tính lãi bắt đầu từ ngày 07/08/2019 đến ngày 07/05/2023, thời gian là 45 tháng, mức lãi suất là 0.83%/tháng trên số tiền gốc là 104.620.000 đồng, với số tiền lãi là 39.075.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chênh lệch là 23.445.000 đồng.

Đối với yêu cầu xin trả dần của ông C, bà T với số tiền 5.000.000 đồng/03 tháng cho đến khi dứt nợ thì anh không đồng ý.

Theo nội dung bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lương Văn C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian mua bán, thỏa Tận mua bán, thời gian ngừng mua bán thức ăn và số tiền gốc hiện nay còn nợ bà T là 104.620.000 đồng. Ông thừa nhận còn nợ bà T số tiền 104.620.000 đồng. Ông đồng ý cùng bà T liên đới trả số tiền gốc này cho bà T. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông, bà xin trả dần 03 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đối với yêu cầu tính lãi với số tiền 39.075.000 đồng thì ông, bà không đồng ý trả do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Theo nội dung bản khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông C.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu ông C, bà T trả số tiền nợ thức ăn là 104.620.000 đồng, bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền trên và đồng ý trả nên ghi nhận. Đối với yêu cầu xin trả dần của ông C, bà T thì các bên không thỏa thuận được với nhau nên không có căn cứ ghi nhận. Do ông C, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là có căn cứ. Theo nội dung đơn khởi kiện bà T yêu cầu tính lãi tạm tính từ ngày 15/03/2017 đến ngày 15/03/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng số tiền 62.520.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi với số tiền 39.075.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông C, bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà T là 143.695.000 đồng. Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Võ Thị T Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua tài sản” vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Hội đồng xét xử nhận định:

Bà T khởi kiện cho rằng giữa bà với ông C, bà T có thỏa Tận mua bán thức ăn chăn nuôi với nhau, đến ngày 15/03/2017 thì hai bên ngừng mua bán với nhau, tại thời điểm này ông C, bà T còn nợ lại bà T số tiền 179.120.000 đồng. Sau đó, ông C bà T có trả cho bà T nhiều lần với tổng số tiền là 74.500.000 đồng, hiện nay còn nợ lại số tiền 104.620.000 đồng. Bà T yêu cầu ông C, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc là 104.620.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là sổ theo dõi mua bán giữa hai bên và giấy nhận nợ có tiêu đề “Giấy nhận nợ và cam kết trả” ngày 01/4/2021. Đối với lời trình bày và các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì bị đơn đều thống nhất và thừa nhận hiện nay còn nợ bà T số tiền gốc là 104.620.000 đồng. Ông C, bà T đồng ý liên đới trả số tiền này cho bà T. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu xin trả dần của ông C, bà T với số tiền trả là 5.000.000 đồng/03 tháng cho đến khi xong các khoản nợ do hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn. Thấy rằng, yêu cầu trả dần là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án, Tộc giai đoạn thi hành án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án giải thích và hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa Tận được nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán:

Hai bên đều thống nhất khi mua bán có thỏa Tận thời gian thanh toán là khi xuất bán (từ 45 ngày đến 60 ngày) sẽ trả tiền. Bà T cho rằng, sau khi hai bên chấm dứt việc mua bán, bà đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà T thanh toán số tiền còn nợ lại, ông C, bà T có thỏa Tận với bà trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng chỉ thực hiện được một thời gian thì không thực hiện nữa. Ông C, bà T cũng thừa nhận do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không thanh toán được tiền thức ăn còn nợ cho bà T theo thỏa Tận.

Căn cứ khoản 1, Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.”

Như vậy, việc bà T yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận. Ông C, bà T cho rằng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không đồng ý trả lãi là không phù hợp.

Về mức lãi suất chậm thanh toán:

Các bên thừa nhận không có thỏa Tận lãi suất chậm thanh toán.

Căn cứ khoản 2, Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: “2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa Tận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa Tận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: “Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa Tận.

Trường hợp các bên có thỏa Tận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa Tận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa Tận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa Tận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”

Như vậy, mức lãi suất chậm thanh toán được xác định là 10%/năm.

Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 0.83% tháng, tức 9.96%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về thời gian tính lãi chậm thanh toán:

Theo nội dung đơn khởi kiện, Bà T yêu cầu ông C và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền lãi tạm tính từ ngày 15/03/2017 đến ngày 15/03/2023 là 72 tháng với mức lãi suất 0.83%/tháng, trên số tiền gốc là 104.620.000 đồng, số tiền: $104.620.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 72 \text{ tháng} = 62.520.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận khi chấm dứt việc mua bán, hai bên thỏa Tận mỗi tháng ông C, bà T có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 5.000.000 đồng. Ông C, bà T thực hiện đến ngày 07/08/2019 thì không trả đúng thỏa Tận nữa.

Do đó, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi từ 07/8/2019 đến ngày 07/05/2023, thời gian 45 tháng, việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Về số tiền gốc tính lãi chậm thanh toán: Tại thời điểm ngày 07/8/2019 số tiền gốc ông C, bà T còn nợ bà T là 108.620.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc tại thời điểm trả sau cùng là 104.620.000 đồng để tính lãi chậm thanh toán nên ghi nhận.

Như vậy số tiền lãi chậm thanh toán là: $104.620.000 \times 0.83\% \times 45 \text{ tháng} = 39.075.000 \text{ đồng}$

Đối với số tiền lãi chênh lệch là 23.445.000 đồng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu nên ghi nhận.

Từ những phân tích trên có căn cứ xác định hiện nay số tiền ông C, bà T còn nợ bà T là 143.695.000 đồng, trong đó tiền gốc là 104.620.000 đồng, tiền lãi là 39.075.000 đồng. Do đó, buộc ông C, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền là 143.695.000 đồng.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 143.695.000 đồng x 5% = 7.184.000 đồng, ông C và bà T phải liên đới chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với ông Lương Văn C và bà Nguyễn Thị T.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Lương Văn C và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị T số tiền là 143.695.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 104.620.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), tiền lãi là 39.075.000 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.184.000 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng), ông Lương Văn C và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yến